

Bản án số: 352/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2026

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Trinh;

2. Ông Lê Đình Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 860/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị Thanh H**, sinh ngày 18/02/1985. Căn cước công dân số 048xxx. Địa chỉ thường trú: Tổ G, phường A, thành phố Đà Nẵng.

2. **Bị đơn:** Ông **Bùi Thế H1**, sinh ngày 19/6/1975. Căn cước công dân số 079xxx. Địa chỉ thường trú: 8 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn - bà Phan Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông Bùi Thế H1 chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2014 sau khi sinh con chung thứ hai thì ông bà mới đi đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2014, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 31/12/2014.

Sau khi kết hôn hai bên về chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng diễn ra bình thường tới khoảng năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 5 năm nay. Nay mâu thuẫn rất trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà H nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung là Bùi Thị Bảo H2, sinh ngày

04/9/2007 (đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Bùi Thế L, sinh ngày 02/11/2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thế L do từ trước tới nay bà một mình chăm sóc con và hiện con cũng đang học tập, sinh sống tại Đà Nẵng cùng bà. Ngoài ra, bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn – ông Bùi Thế H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà Phan Thị Thanh H giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện đã trình bày trước Tòa. Bà xác định hiện nay vợ chồng bà tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà để bà sớm ổn định cuộc sống.

Bị đơn - ông Bùi Thế H1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - bà Phan Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thế H1. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - ông H1 có địa chỉ cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2014, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 31/12/2014 thì hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bị đơn - ông Bùi Thế H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân, bà H có yêu cầu ly hôn với ông H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông H1 có nhiều mâu thuẫn dẫn đến không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hay xảy ra cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H1 đến Tòa để trình bày ý kiến và giải quyết vụ án nhưng ông H1 đều vắng mặt, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà H và ông H1 không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H khai cả hai có 02 con chung tên Bùi Thị Bảo H2, sinh ngày 04/9/2007 và Bùi Thế L, sinh ngày 02/11/2012.

Đối với con chung Bùi Thị Bảo H2: Bà H trình bày con đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc ai là người trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Bùi Thế L: Bà H trình bày do từ trước đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc con, đồng thời hiện nay con cũng đang sinh sống và học tập tại thành phố Đà Nẵng cùng với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông đối với việc nuôi dưỡng con. Mặt khác, cháu L cũng có mong muốn được ở với mẹ để tiện việc học hành. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Thế L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông H1.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai cả hai không có tài sản chung và nợ chung; ông H1 vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phan Thị Thanh H3:

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh H được ly hôn với ông Bùi Thế H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thế L, sinh ngày 02/11/2012 cho bà Phan Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Bùi Thế H1 do bà H không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà H cùng gia đình không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai cả hai không có tài sản chung và nợ chung, ông H1 vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp ông H1 có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cản trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0051781 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H không phải nộp thêm án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV4 – TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND P.An Khê, TP. Đà Nẵng (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 187/2014, quyền số 02/2013 cấp ngày 31/12/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Hiếu